

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 9 - 2018

V/v Ly hôn giữa chị H và anh C

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Trần Thị Hoàn kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2018/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐST- HNGĐ ngày 03/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST- HNGĐ ngày 24/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1991

HKTT: thôn VTĐ, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn LTĐ, xã TA, Thái Thụy, Thái Bình

Bị đơn: Anh Lê Kim C, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn VTĐ, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình

(Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh C vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là chị Tạ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Kim C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 23/12/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TT. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã TH, đến tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, chị và anh C thường xuyên cãi chửi cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hai bên ly thân từ tháng 3/2017, hiện không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về việc nuôi con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Lê Thành D, sinh ngày 02/8/2016. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con chung thành niên.

Về việc chia tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản chung, không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Anh Tạ Văn C không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được chứng cứ do anh C cung cấp. Xác minh tại xã TH phản ánh anh C hiện đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã TH, có địa chỉ nơi cư trú tại thôn VTĐ, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đã phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Hương ly hôn anh C; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện giao con Lê Thành D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị H và anh C kết hôn hợp pháp. Do tính tình không hợp nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 3/2017 hai bên ly thân, hiện tình trạng giữa anh C và chị H ai biết bổn phận của người đó, anh C biết rõ việc chị H yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng bỏ mặc không đến Tòa án, việc hòa giải cho hai anh chị là không thể thực hiện được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh C hiện đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H ly hôn anh C.

[2]. *Về việc nuôi con chung:* Chị H và anh C có một con chung là Lê Thành D, sinh ngày 02/8/2016, hiện đang ở với chị H. Xét thấy hiện con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi anh C vắng mặt nên giao con chung Lê Thành D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh C hiện nay làm tại Ủy ban nhân dân xã Thái H, có thu nhập, chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian tính từ tháng 10/2018 đến khi con chung thành niên.

[3]. *Về việc chia tài sản chung:* Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Chị Tạ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Lê Kim C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Tạ Thị H ly hôn anh Lê Kim C;

2. Về nuôi con chung: Giao con Lê Thành D, sinh ngày 02/8/2016 cho chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Kim C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2018 đến khi con chung thành niên. Anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con được đặt ra giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0001446 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Kim C phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Tạ Thị H và anh Lê Kim C đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TH;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

